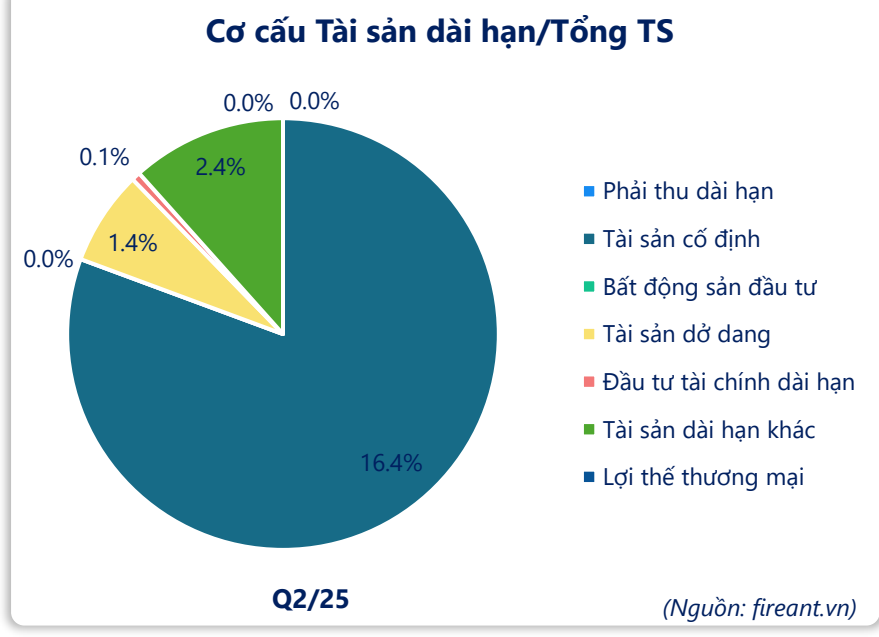
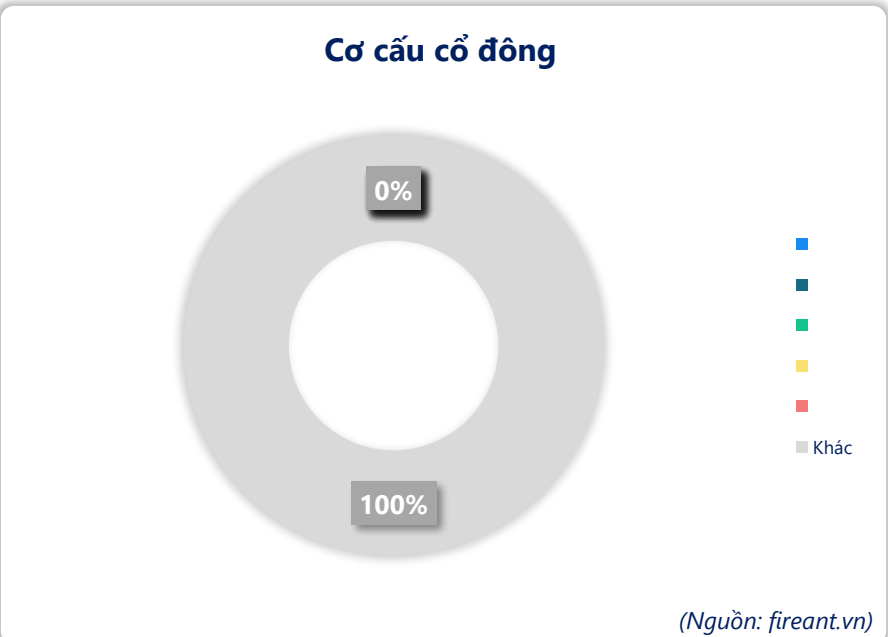
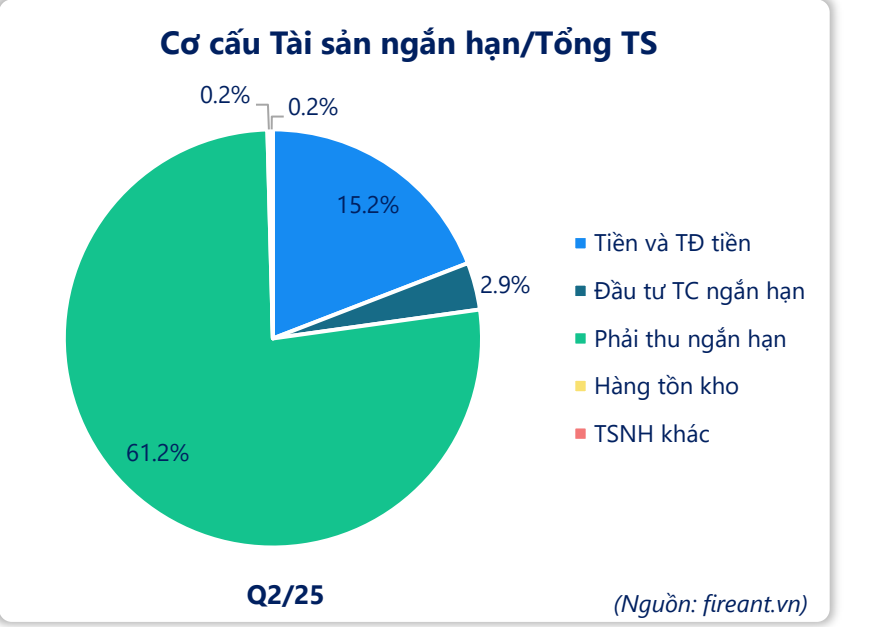
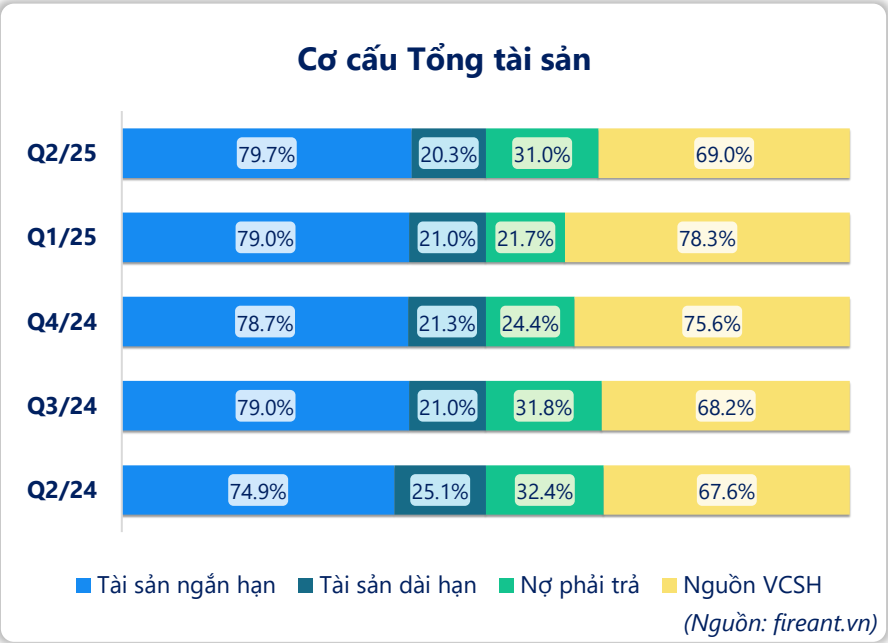
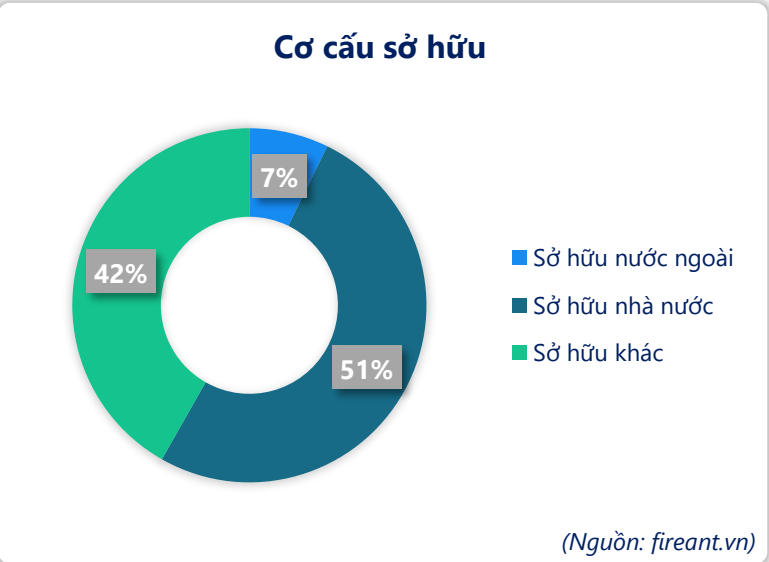
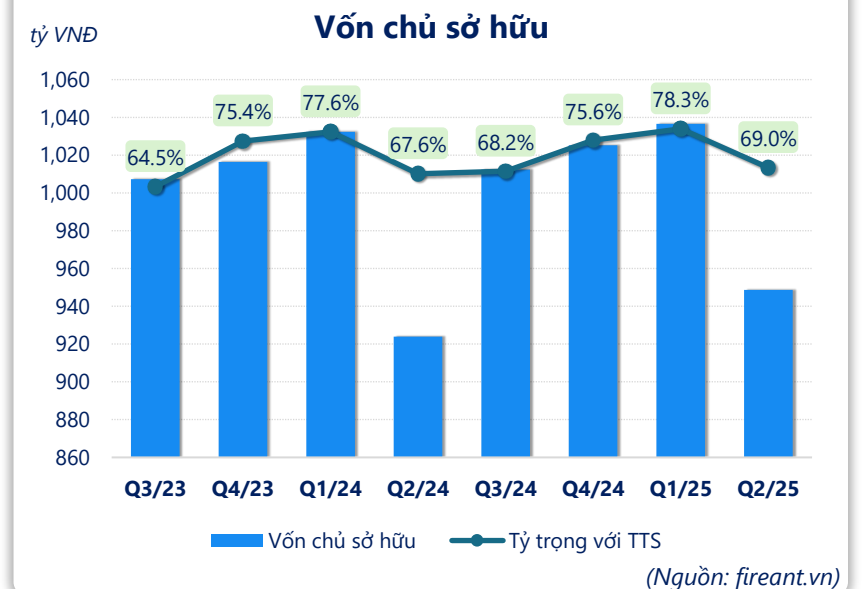
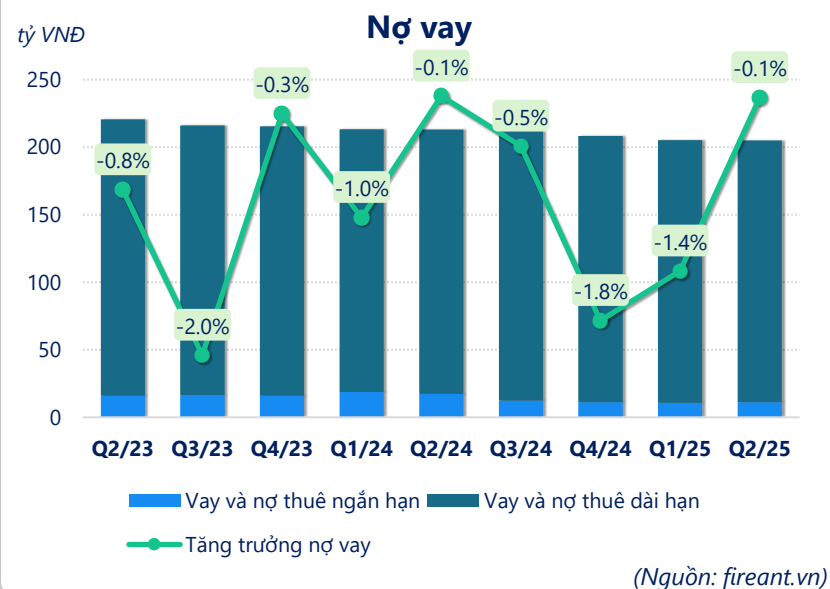
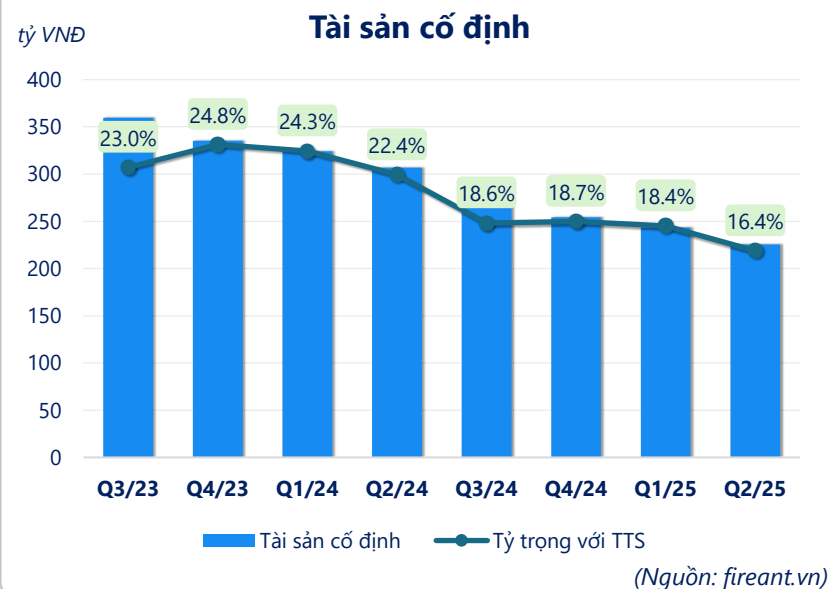
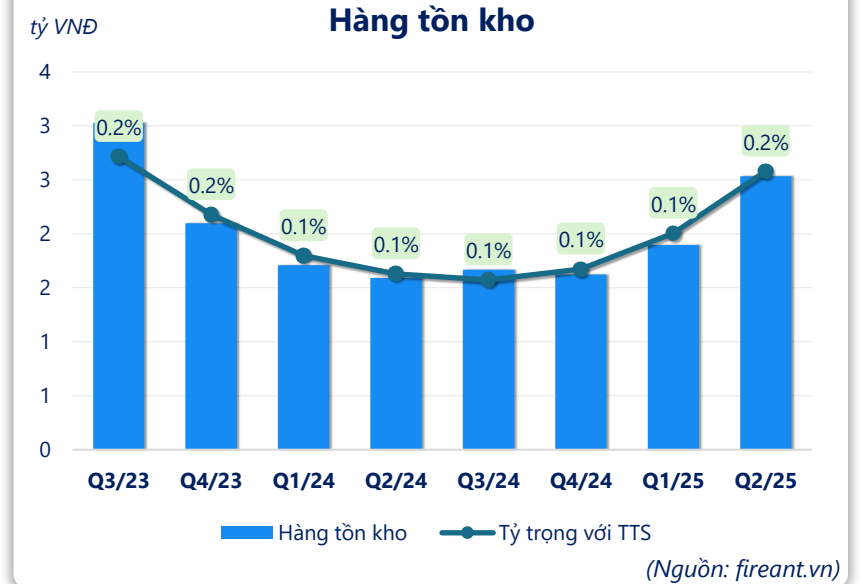
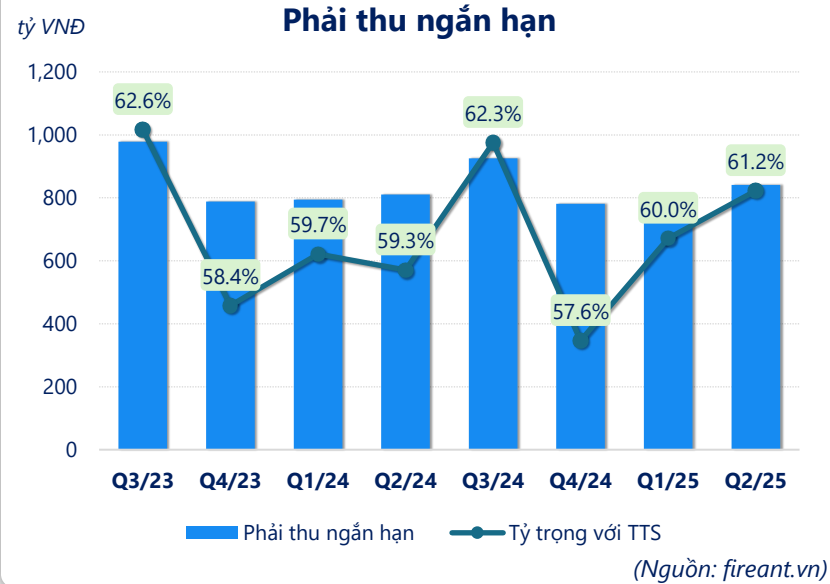
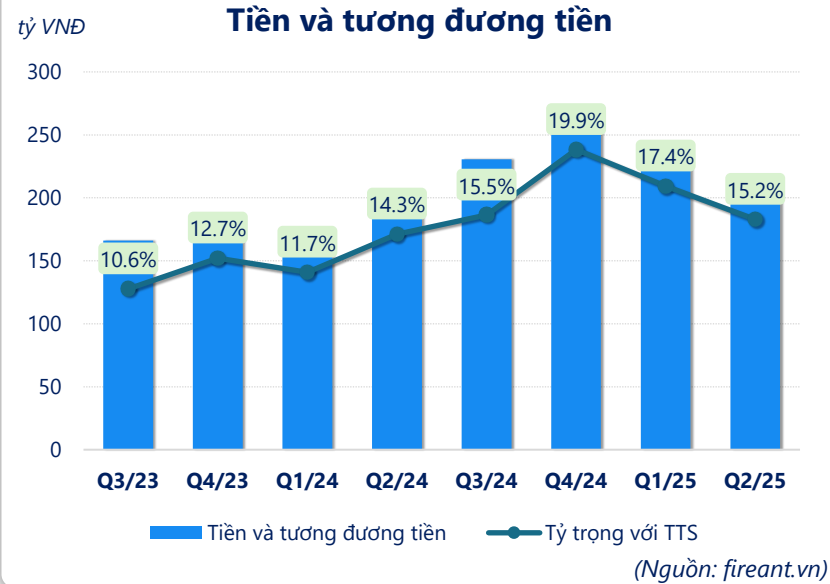
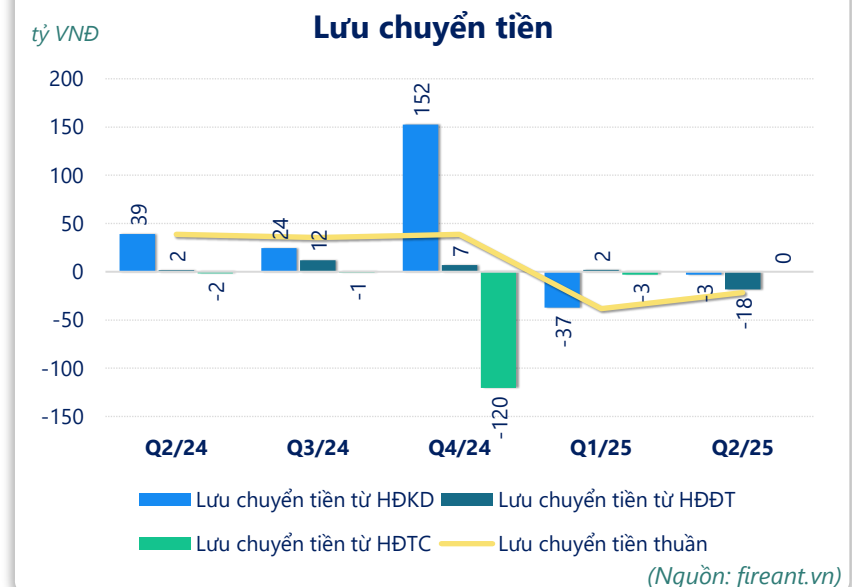
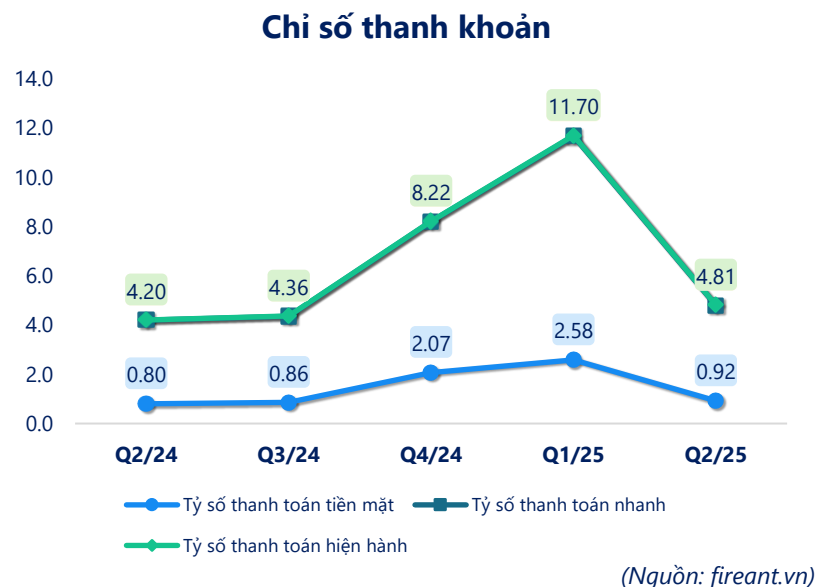
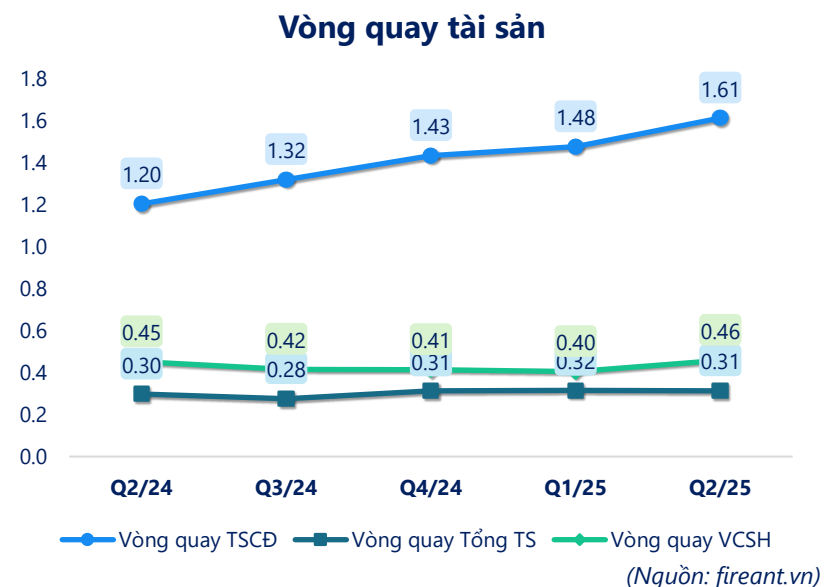
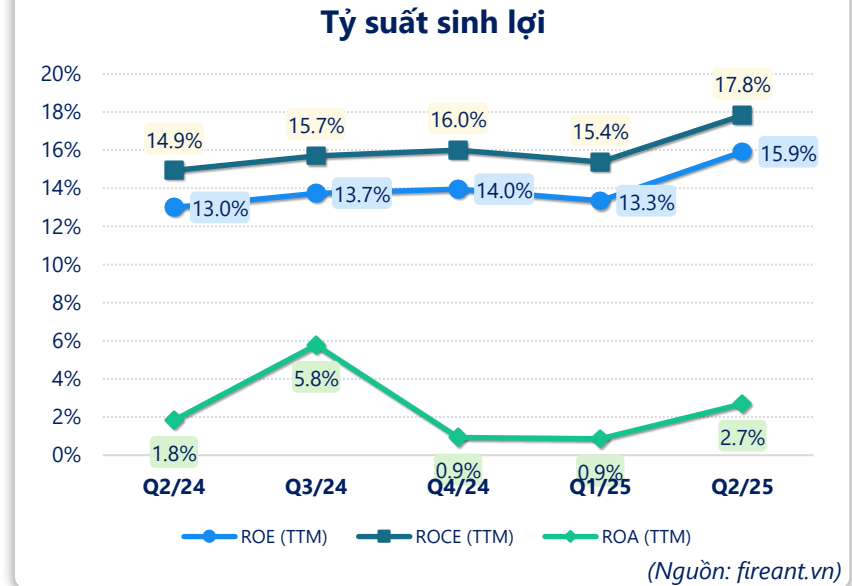
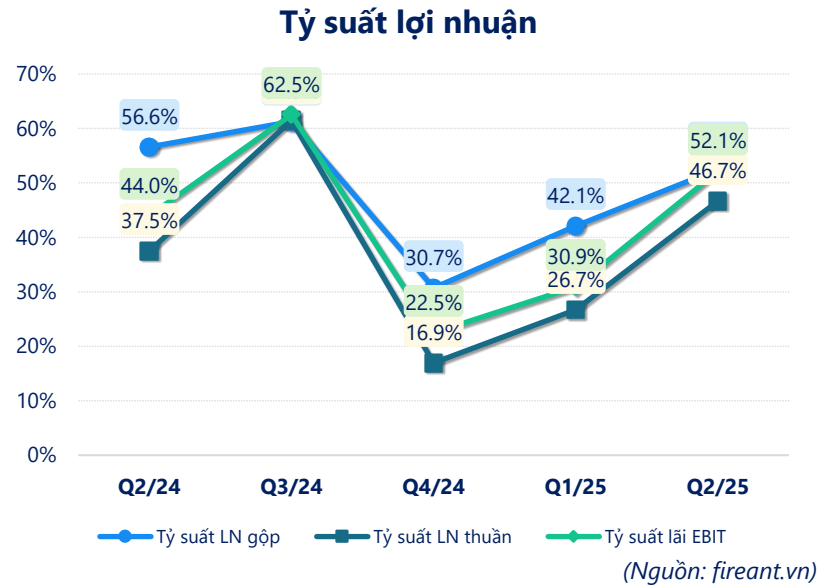
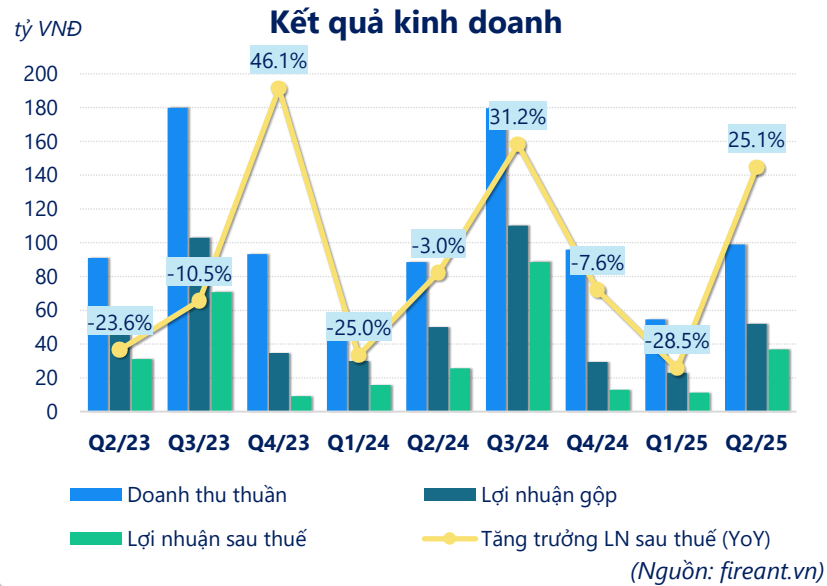


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		14,750
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,643
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		12,247
SL cổ phiếu LH		68,998,620
KLGD BQ 20 phiên (CP)		72,150
% sở hữu nước ngoài		7.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,018
P/E		6.8
EPS		2,160

	YTD	1T	3T	6T
SJD	15.0%	11.8%	11.1%	15.8%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,374	1,356	1.4%
Tài sản ngắn hạn	1,095	1,067	2.6%
Tiền và tương đương tiền	209	269	-22.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.0	15.0	167%
Phải thu ngắn hạn	841	781	7.6%
Hàng tồn kho	2.53	1.62	56.2%
Tài sản ngắn hạn khác	2.09	0.37	459%
Tài sản dài hạn	280	289	-3.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	225	254	-11.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	19.8	20.4	-3.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.84	1.84	0.0%
Tài sản dài hạn khác	32.5	12.2	166%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	426	331	28.7%
Nợ ngắn hạn	228	130	75.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	11.2	11.2	0.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	50.2	52.4	-4.3%
Nợ dài hạn	198	201	-1.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	194	197	-1.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	949	1,025	-7.5%
Vốn chủ sở hữu	949	1,025	-7.5%
Vốn điều lệ	690	690	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.03	0.03	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	88.5	180	95.9	54.6	99.0
Giá vốn hàng bán	38.4	69.6	66.5	31.6	47.1
Lợi nhuận gộp	50.1	110	29.5	23.0	52.0
Doanh thu HĐTC	1.10	1.59	4.64	1.77	7.78
Chi phí TC	9.82	2.38	6.00	2.32	7.57
Chi phí lãi vay	5.74	2.37	5.71	2.32	4.98
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	8.20	-1.16	11.8	7.87	5.97
LN thuần từ HĐKD	33.2	110	16.3	14.6	46.2
Lợi nhuận khác	-0.03	-0.50	-0.40	0	0.42
LN trước thuế	33.2	110	15.9	14.6	46.6
Lợi nhuận sau thuế	25.6	88.4	12.9	11.3	36.8
LNST của CĐ cty mẹ	26.0	88.0	12.5	11.5	37.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	39.0	24.5	152	-37.1	-3.18
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.61	12.0	6.89	1.77	-18.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.80	-1.05	-120	-2.95	0
Tiền đầu kỳ	156	195	231	269	231
Lưu chuyển tiền thuần	38.8	35.4	38.8	-38.2	-21.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	195	231	269	231	209

(Nguồn: fireant.vn)